

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-6-2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Vũ.

+ Ông Huỳnh Hiếu Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Vũ Quang C** - Sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

* Bị đơn: Chị **Lê Thị Mộng T** - Sinh năm: 1996; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là anh Vũ Quang C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/12/2019 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn

làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024. Cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T người con chung là: Vũ Quang K - Sinh ngày 05/01/2020 (hiện đang sống chung với chị T). Khi ly hôn, anh C đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C trình bày là không có.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lê Thị Mộng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh C, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi người con chung giữa chị với anh C là: Vũ Quang K - Sinh ngày 05/01/2020 (hiện đang sống chung với chị), chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Anh C, chị T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Quang C được ly hôn với chị Lê Thị Mộng T.

(2) *Về con chung:* Giao cho chị Lê Thị Mộng T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh C là: Vũ Quang K - Sinh ngày 05/01/2020 (hiện đang sống chung với chị T); anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

(3) *Về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh C có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị T có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[2] Anh C vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 14/01/2025, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh C, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh C, chị T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Anh C, chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2019, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của anh C, chị T, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được anh C và chị T có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024, giữa anh chị không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C với chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cũng đồng ý ly hôn với anh C nên chấp nhận yêu cầu của anh C về việc ly hôn với chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh C và chị T có một người con chung là: Vũ Quang K - Sinh ngày 05/01/2020 (hiện đang sống chung với chị T). Chị T yêu cầu được quyền nuôi con, anh C đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con nên giao cho chị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung là Vũ Quang K - Sinh ngày 05/01/2020, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên anh phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quang C, cụ thể:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Quang C được ly hôn với chị Lê Thị Mộng T.

2/ *Về con chung*:

Chị Lê Thị Mộng T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Vũ Quang C là: Vũ Quang K - Sinh ngày 05/01/2020 (hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Anh Vũ Quang C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Vũ Quang C có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

Vì lợi ích của con chung, anh C, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Vũ Quang C phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006680 ngày 26 tháng

12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh C, chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Tân;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Nguyên